UBND TỈNH KON TUM **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1228 /QĐ-CĐCĐ	*Kon Tum, ngày 16 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, hệ chính quy năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-LĐTBXH ngày 24/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1683/QĐ-BGDĐT ngày 17/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022;

Căn cứ Công văn số 2598/BGDĐT-GDĐH ngày 20/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Công văn số 3195/BGDĐT-GDĐH ngày 21/7/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo số lượng chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-CĐCĐ ngày 04/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục Mầm non năm 2022;

Căn cứ Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy năm 2022 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;

Căn cứ Thông báo số 567/TB-CĐCĐ ngày 16/9/2022 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum về việc thông báo điểm chuẩn trúng tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, hệ chính quy năm 2022;

Căn cứ Biên bản họp ngày 16/9/2022 của Hội đồng tuyển sinh về việc xét tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, hệ chính quy năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh và Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, hệ chính quy năm 2022, gồm **22** (Hai mươi hai) thí sinh, có danh sách tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc Trường, các thí sinh có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Các thành viên HĐTS;
- Ban Thư ký HĐTS;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trí Khải

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, HỆ CHÍNH QUY NĂM 2022 CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

TT	CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã PTXT	Mã tổ hợp môn	Môn 1		Môn 2		Môn NK	KV ƯT	ĐT ƯT	Điểm ưu tiên	Tổng điểm trúng tuyển (thang điểm 30)
I.	**Phương thức kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (mã phương thức: 405)**														
1.	062304000826	Y TIÊN	20/05/2004	Nữ	405	M05	VA	6.5	SU	8.25	6.83	1	01	2.75	24.06
2.	062304003732	Y XUÂN	19/07/2004	Nữ	405	M07	VA	5	DI	6.5	8.33	1	01	2.75	23.87
3.	062304004187	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT	05/06/2004	Nữ	405	M06	TO	7.6	VA	7	7.67	1		0.75	23.21
4.	062304001336	Y TUYẾT	20/11/2004	Nữ	405	M07	VA	5	DI	6.5	7.83	1	01	2.75	23.12
5.	040304016951	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	01/11/2004	Nữ	405	M07	VA	8	DI	8	7	2NT		0.5	23.00
6.	233337406	Y VIÊN	26/02/2004	Nữ	405	M07	VA	5.5	DI	6.5	7.5	1	01	2.75	23.00
7.	062304006036	TRẦN Y THU	11/08/2004	Nữ	405	M07	VA	4.5	DI	7.5	7.33	1	01	2.75	22.75

TT	CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã PTXT	Mã tổ hợp môn	Môn 1		Môn 2		Môn NK	KV ƯT	ĐT ƯT	Điểm ưu tiên	Tổng điểm trúng tuyển (thang điểm 30)
		TRANG													
8.	062304003253	Y PHẤN	24/11/2004	Nữ	405	M05	VA	4.5	SU	7.75	7.17	1	01	2.75	22.69
9.	062304000226	Y BÍCH LIÊN	22/01/2004	Nữ	405	M07	VA	6.75	DI	5.5	7	1	01	2.75	22.44
10.	062304004907	Y - THÂNG	24/02/2004	Nữ	405	M06	TO	6.8	VA	5	7.17	1	01	2.75	22.36
11.	233345008	Y THƠM	27/03/2002	Nữ	405	M07	VA	5.25	DI	7.25	6.5	1	01	2.75	21.88
II.	**Phương thức kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (mã phương thức: 406)**														
1.	062300006934	Y LUYẾN	13/03/2000	Nữ	406	M05	VA	8.1	SU	8.3	7.67	1	01	2.75	26.56
2.	062304004426	Y LY TUYẾT	02/01/2004	Nữ	406	M05	VA	7	SU	7.4	8.17	1	01	2.75	25.81
3.	062303002015	Y - KRAN ZANG HLINH	05/09/2003	Nữ	406	M06	TO	6.5	VA	7.8	8.17	1	01	2.75	25.73
4.	233338623	Y MỸ LỆ	22/02/2004	Nữ	406	M07	VA	6.8	DI	8.2	7.67	1	01	2.75	25.51
5.	062198000794	ĐỖ THỊ HỌA MY	10/01/1998	Nữ	406	M06	TO	9.1	VA	7.4	8.17	1		0.75	25.38
6.	062303002495	Y TÂN	16/08/2003	Nữ	406	M07	VA	6.6	DI	6.8	8.33	1	01	2.75	25.30

TT	CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã PTXT	Mã tổ hợp môn	Môn 1		Môn 2		Môn NK	KV ƯT	ĐT ƯT	Điểm ưu tiên	Tổng điểm trúng tuyển (thang điểm 30)
7.	062304004174	Y - DIỄM	26/09/2004	Nữ	406	M05	VA	6.8	SU	6.9	8	1	01	2.75	25.03
8.	062304001823	Y MINH VI	25/08/2004	Nữ	406	M07	VA	7.2	DI	7.8	7.33	1	01	2.75	25.00
9.	062303000802	Y HUỆ	09/01/2003	Nữ	406	M07	VA	7.2	DI	7.4	7.5	1	01	2.75	24.95
10.	062304006573	Y EL	25/02/2004	Nữ	406	M07	VA	6.5	DI	7.7	7.67	1	01	2.75	24.91
11.	062303000368	TÔN TRỌNG BẢO NGỌC	14/03/2003	Nữ	406	M07	VA	7.7	DI	8.2	8	1		0.75	24.68

Ghi chú: *Tổng điểm xét tuyển (thang điểm 30) = (Tổng điểm 3 môn đã nhân hệ số *3/tổng hệ số 3 môn + Điểm ưu tiên + điểm khuyến khích) làm tròn đến 2 chữ số sau dấu phẩy.*

Danh sách trên có 22 thí sinh.

Trong đó:

Nữ: 22.

Dân tộc thiểu số: 18.